

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: **05/2020/DS- PT**
Ngày 11- 02- 2020
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài
sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hà.

Các Thẩm phán: Ông Cao Minh Lễ
Ông Đào Chí Keo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân là Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Phạm Trường San- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ ý số: 214/2019/TLPT- DS ngày 24 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 112/2019/DS-ST ngày 17 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 210/2019/QĐPT-DS ngày 25 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Ngọc G, sinh năm 1990 (Có mặt).

Nơi cư trú: Ấp Long Quới 1, xã LĐ B, huyện CM, tỉnh AG

2. Bị đơn: Bà Trương Thị Y, sinh năm 1978 (Có mặt).

Nơi cư trú: Ấp Long Phú 2, xã LĐ B, huyện CM, tỉnh AG

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Phú H, sinh năm 1975 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp Long Phú 2, xã LĐ B, huyện CM, tỉnh AG

4. Người kháng cáo: Bà Trương Thị Y là bị đơn và ông Trần Phú H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Phạm Ngọc G trình bày: Do có mối quan hệ quen biết với nhau, ngày 18/4AL/2018 bà có cho bà Trương Thị Y vay số tiền

110.000.000đ, mục đích vay tiền của bà Y là để làm vốn mua bán và sinh hoạt phí trong gia đình. Sau đó, khoảng 15 ngày bà Y vay thêm 20.000.000đ, việc cho vay không tính lãi, bà Y có làm biên nhận nợ và tự ký tên. Sau nhiều lần đòi tiền bà Y không trả mà cứ hứa hẹn lần lữa. Giữa bà Y và ông Trần Phú H là vợ chồng, hôn nhân giữa ông bà vẫn đang tồn tại. Bà yêu cầu vợ chồng bà Y và ông H cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền 130.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn là bà Trương Thị Y trình bày: Bà có mượn của bà Phạm Ngọc G số tiền 60.000.000đ vào tháng 4/2018, lãi suất 30%/tháng, mục đích vay tiền là để châu hụi và sinh hoạt gia đình. Tính từ tháng 4/2018 cho đến tháng 11/2018 bà có trả lãi cho bà G khoảng 70.000.000đ, ngày 09/11/2018 bà G tính phần lãi còn lại cộng với số vốn là 60.000.000đ thành tiền nợ là 130.000.000đ và cùng ngày 09/11/2018 bà có trả cho bà G số tiền 95.000.000đ nên chỉ còn nợ 35.000.000đ, ngày 28/12/2018 có trả thêm cho bà G số tiền 8.000.000đ nhưng tám giấy ghi nợ đã không trừ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Phú H không gửi văn bản trình bày ý kiến và không cung cấp chứng cứ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 112/2019/DS-ST ngày 17 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Ngọc G.

Buộc bà Trương Thị Y và ông Trần Phú H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Ngọc G số tiền vốn vay là 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng).

Về án phí: Bà Trương Thị Y và ông Trần Phú H phải liên đới chịu án phí sơ thẩm là 6.500.000đ; bà Phạm Ngọc G được nhận lại số tiền 3.250.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0012701 ngày 28/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30 tháng 10 năm 2019 bà Trương Thị Y và ông Trần Phú H nộp Đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 112/2019/DS-ST ngày 17/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

Các đương sự khác trong vụ án không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa và phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần HĐXX, thư ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của bà Trương Thị Y; Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của

ông Trần Phú H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 112/2019/DS-ST ngày 17/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trương Thị Y và ông Trần Phú H kháng cáo trong thời hạn luật định nên đủ cơ sở pháp lý để xem xét yêu cầu kháng cáo của ông bà theo trình tự phúc thẩm.

Ông Trần Phú H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông H.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là bà Phạm Ngọc G giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn là bà Trương Thị Y và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Phú H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo để kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 112/2019/DS-ST ngày 17 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

[3] Xét thấy, ngày 18/4AL/2018 bà G cho bà Y vay số tiền 130.000.000đ theo Giấy mượn ngày 18/4AL/2018 do bà Y ký tên và ghi họ tên. Bà Y cho rằng có mượn của bà G số tiền 60.000.000đ vào tháng 4/2018, lãi suất 30%/tháng và bà đã trả lãi cho bà G từ tháng 4/2018 cho đến tháng 11/2018 khoảng 70.000.000đ. Ngày 09/11/2018 bà G tính phần lãi còn lại cộng với số vốn 60.000.000đ thành tiền nợ là 130.000.000đ và cùng ngày 09/11/2018 bà có trả cho bà G số tiền 95.000.000đ nên chỉ còn nợ 35.000.000đ. Ngày 28/12/2018 bà có trả cho bà G số tiền 8.000.000đ nhưng giấy ghi nợ đã không trừ, khi bà trả vốn và lãi đều không ký nhận. Lời trình bày của bà Y không được bà G thừa nhận và bà Y, ông H không cung cấp được chứng cứ mới để chứng minh đã trả cho bà G số tiền 130.000.000đ. Việc bà Y trực tiếp vay của bà G số tiền 130.000.000đ và bà Y thừa nhận là để châu hụi và sinh hoạt gia đình. Giữa bà Y và ông H là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Điền B theo Giấy chứng nhận kết hôn 23 ngày 14/02/2017. Số nợ 130.000.000đ bà Y vay của bà G phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của bà Y và ông H còn tồn tại, căn cứ khoản 2 Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng phải chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện. Án sơ thẩm đã buộc bà Y và ông H cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà G số tiền 130.000.000đ là có căn cứ, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Y.

Ông H kháng cáo và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do nên được coi như đã từ bỏ yêu cầu kháng cáo. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông H.

Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị nên được giữ nguyên.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Y. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 112/2019/DS-ST ngày 17 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ

Mới như đề xuất của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tại phiên tòa.

[4] Về án phí: Bà Y và ông H mỗi người phải nộp 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, án phí được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu kháng cáo của ông Trần Phú H.

3. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trương Thị Y. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 112/2019/DS-ST ngày 17 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

3. Buộc bà Trương Thị Y và ông Trần Phú H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Ngọc G số tiền 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng).

4. Về án phí:

4.1 Bà Trương Thị Y và ông Trần Phú H phải nộp 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4.2 Bà Trương Thị Y và ông Trần Phú H mỗi người phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Án phí được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: TU/2016/0013633 và số: TU/2016/0013632 cùng ngày 30/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

4.3 Bà Phạm Ngọc G được nhận lại số tiền 3.250.000đ (Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012701 ngày 28/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H.Chợ Mới;
- TAND.H.Chợ Mới;
- Tòa Dân sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thúy Hà